

BẢNG GIÁ ĐẤT KHU VỰC 15
(Cho các xã Chương Mỹ, Quảng Bị, Hoà Phú, Xuân Mai, Phú Nghĩa, Trần Phú)

Đơn vị tính: 1000đ/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Đường Quốc Lộ												
1	Đường Quốc lộ 6 cũ	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
2	Quốc lộ 6 từ ngã tư giao cắt đường tại ngã tư chợ Cống, Phường Chương Mỹ đến Cầu Tân Trượng	17 435	13 076	10 303	9 510	6 494	4 847	3 537	3 263	4 250	3 173	2 393	2 208
3	Quốc lộ 6: Đoạn từ Cầu Tân Trượng đến giáp Trại ấp trứng CP Group	22 258	16 026	12 545	11 534	7 661	5 710	4 483	4 127	5 015	3 737	3 033	2 792
4	Quốc lộ 6: Đoạn từ Lối rẽ kho 897 đến hết địa phận xã Xuân Mai	22 258	16 026	12 545	11 534	7 661	5 710	4 483	4 127	5 015	3 737	3 033	2 792
5	Quốc lộ 6: Đoạn từ Trại ấp trứng CP Group đến Lối rẽ kho 897	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 926	4 357	3 585	3 300
II	Đường Tỉnh lộ												
1	Đường tỉnh lộ 429 đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Trần Phú	9 393	7 421	5 892	5 465	3 372	2 597	2 035	1 909	2 266	1 745	1 414	1 327
2	Tỉnh lộ 419: Đoạn giáp xã Hòa Phú hết địa phận xã Quảng Bị	10 758	8 391	6 650	6 161	3 897	2 998	2 350	2 207	2 550	1 963	1 591	1 493
3	Tỉnh lộ 419: Đoạn xã Quảng Bị hết địa phận xã Hòa Phú	8 310	6 565	5 212	4 835	2 810	2 192	1 774	1 645	1 889	1 473	1 233	1 143
4	Tỉnh lộ 419: Đường Hòa Sơn (từ nhà văn hóa Hòa Sơn, phường Chương Mỹ đến ngã ba giao cắt tại chợ Cống - Ngọc Giả, phường Chương Mỹ	17 435	13 076	10 303	9 510	6 494	4 847	3 537	3 263	4 250	3 173	2 393	2 208
5	Tỉnh lộ 419: Đường Yên Sơn (đoạn từ đường vào Công ty bao bì thực phẩm, phường Chương Mỹ đến hết địa phận phường Chương Mỹ	10 758	8 391	6 650	6 161	3 897	2 998	2 350	2 207	2 550	1 963	1 591	1 493
6	Tỉnh lộ 419: Từ ngã ba giao cắt tại chợ Cống - Ngọc Giả, phường Chương Mỹ đến hết địa phận phường Chương Mỹ	17 435	13 076	10 303	9 510	6 494	4 847	3 537	3 263	4 250	3 173	2 393	2 208
7	Tỉnh lộ 421B (Đường từ cầu Tân Trượng đi Quốc Oai)	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
8	Tỉnh lộ 421B (Đường vào nhà máy Z119)	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
III	Đường địa phương												
1	Đường Biên Giang : Đoạn từ Cầu Mai Lĩnh đến hết đường Biên Giang (giáp đường Chúc Sơn)	42 654	28 578	22 744	20 749	11 985	8 030	6 405	5 843	8 593	5 929	4 401	3 911
2	Đường Chùa Trầm (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt tại di tích chùa Vô Vi, thôn Long Châu Sơn, phường Chương Mỹ)	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 926	4 357	3 585	3 300

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
3	Đường Chúc Sơn (Cho đoạn từ điểm cuối đường Biên Giang đến ngã ba giao cắt đường Chùa Trầm)	36 354	24 721	19 169	17 516	11 343	7 940	6 320	5 266	7 424	5 197	4 276	3 564
4	Đường Chúc Sơn (đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chùa Trầm đến ngã tư giao cắt đường tại ngã tư chợ Cống, Phường Chương Mỹ)	22 258	16 026	12 545	11 534	7 661	5 710	4 483	4 127	5 015	3 737	3 033	2 792
5	Đường Chương Đức (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt đường đi tổ dân phố Bình Sơn, tại Ban Chỉ huy Quân sự phường Chương Mỹ)	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 926	4 357	3 585	3 300
6	Đường du lịch Chùa Trầm từ Chùa Vô Vi đến tỉnh lộ 419 phường Chương Mỹ	9 393	7 421	5 892	5 465	3 372	2 597	2 035	1 909	2 266	1 745	1 414	1 327
7	Đường đê Bùi đoạn từ thôn 5 xã Quảng Bị đi xóm Đầm xã Quảng Bị	5 419	4 390	3 498	3 252	1 828	1 547	1 240	1 176	1 228	1 039	862	817
8	Đường Đê đáy nối từ cuối đường Ngọc Sơn (tại ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ) đến hết địa phận phường Chương Mỹ												
-	Đường Đê đáy nối từ cuối đường Ngọc Sơn (tại ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ) đến hết địa phận phường Chương Mỹ: Đoạn đường ngoài đê	22 258	16 026	12 545	11 534	7 661	5 710	4 483	4 127	5 015	3 737	3 033	2 792
-	Đường Đê đáy nối từ cuối đường Ngọc Sơn (tại ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ) đến hết địa phận phường Chương Mỹ: Đoạn đường trong đê	23 281	16 297	12 699	11 642	7 306	5 114	3 394	3 084	4 782	3 348	2 296	2 087
9	Đường Đê đáy nối từ phường Chương Mỹ đi tỉnh lộ 419 qua các xã Quảng Bị, xã Hòa Phú.												
-	Đường Đê đáy nối từ phường Chương Mỹ đi tỉnh lộ 419 qua các xã Quảng Bị, xã Hòa Phú: Đoạn đường ngoài đê	6 142	4 974	3 965	3 686	2 110	1 728	1 410	1 332	1 560	1 232	1 033	959
-	Đường Đê đáy nối từ phường Chương Mỹ đi tỉnh lộ 419 qua các xã Quảng Bị, xã Hòa Phú: Đoạn đường trong đê	6 864	5 492	4 368	4 056	2 321	1 833	1 488	1 380	1 748	1 380	1 157	1 074
10	Đường Đồng Dâu (Từ ngã ba giao cắt đường Biên Giang cạnh cầu Mai Lĩnh đến ngã ba giao cắt tại điểm cuối đường Ninh Kiều, cạnh Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội)	35 127	24 237	19 388	17 745	9 870	6 810	5 459	4 997	6 875	4 743	3 520	3 134
11	Đường Hòa Sơn (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn tại Bưu điện phường Chương Mỹ đến nhà văn hóa Hòa Sơn, phường Chương Mỹ)	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 334	3 734	2 561	2 328
12	Đường Hoa Trà (Từ đường Hồ Chí Minh qua chợ Xuân Mai đến đường vào Sân vận động trung tâm xã Xuân Mai)	19 477	14 413	11 331	10 446	6 825	5 086	3 745	3 116	4 468	3 329	2 535	2 108

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
13	Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ Cầu Sắt (cầu Xuân Mai) đến nhà máy xi măng Nam Sơn	14 097	11 333	9 510	8 800	5 051	3 809	3 263	3 018	3 306	2 493	2 208	2 042
14	Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ hết trụ sở làm việc Trường Đại học Lâm nghiệp đến hết địa phận xã Xuân Mai	16 693	12 520	9 864	8 043	6 217	4 642	3 386	2 759	4 069	3 037	2 292	1 868
15	Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ nhà máy xi măng Nam Sơn đến hết địa phận xã Trần Phú	10 758	8 391	6 650	6 161	3 897	2 998	2 350	2 207	2 550	1 963	1 591	1 493
16	Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ Quốc lộ 6 đến Cầu Sắt (cầu Xuân Mai)	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 744	4 135	3 474	3 199
17	Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ Quốc lộ 6 đến hết trụ sở làm việc Trường Đại học Lâm nghiệp	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 744	4 135	3 474	3 199
18	Đường Hồ Chí Minh: Đường 21A cũ từ Quốc lộ 6 đến đường Hồ Chí Minh	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
19	Đường liên khu đoạn từ Quốc lộ 6 đến nhà văn hóa khu Chiến Thắng	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
20	Đường liên khu Tân Bình (Từ ngã ba đường vào Sân vận động qua đường vào Trường THPT Xuân Mai, đường vào Lữ đoàn 201 đến nhà văn hóa khu Chiến Thắng)	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
21	Đường liên xã đoạn từ chợ Rồng đi đến làng Thượng Phúc (lối rẽ vào nghĩa trang thôn Thượng Phúc)	5 058	4 097	3 265	3 035	1 710	1 368	1 111	1 032	1 150	920	773	718
22	Đường liên xã đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi qua Chùa Gốm xã Trần Phú đến đường Chợ Sẻ xã Hòa Phú	8 310	6 565	5 212	4 835	2 810	2 192	1 774	1 645	1 889	1 473	1 233	1 143
23	Đường liên xã đoạn từ ngã ba chợ Thuần Lương, xã Trần Phú đi qua cầu Yên Trình đến Trạm bơm Nhân Lý xã Xuân Mai	6 142	4 974	3 965	3 686	2 110	1 728	1 410	1 332	1 560	1 232	1 033	959
24	Đường liên xã đoạn từ tỉnh lộ 419 xã Quảng Bị đến chợ Rồng xã Hòa Phú	8 310	6 565	5 212	4 835	2 810	2 192	1 774	1 645	1 889	1 473	1 233	1 143
25	Đường liên xã nối từ đường Trục huyện tại khu vực trạm bơm tiêu úng phường Chương Mỹ đi xã Hưng Đạo	17 435	13 076	10 303	9 510	6 494	4 847	3 537	3 263	4 250	3 173	2 393	2 208
26	Đường liên xã từ Quốc lộ 6 đi qua lối rẽ vào Trung Tâm GDNN Thành An đến hết địa phận xã Xuân Mai	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
27	Đường liên xã từ Quốc lộ 6 qua xã Phú Nghĩa đi đường Nguyễn Văn Trỗi												
-	Đường liên xã từ Quốc lộ 6 qua xã Phú Nghĩa đi đường Nguyễn Văn Trỗi: Đoạn từ đầu Quốc lộ 6 đến hết xóm Đoàn kết thôn Trường Yên (lối rẽ vào sân vận động xóm Đoàn Kết Trường Yên)	14 097	11 333	9 510	8 800	5 051	3 809	3 263	3 018	3 306	2 493	2 208	2 042

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường liên xã từ Quốc lộ 6 qua xã Phú Nghĩa đi đường Nguyễn Văn Trỗi: Đoạn từ giáp xóm Đoàn kết thôn Trường Yên (lối rẽ vào sân vận động xóm Đoàn Kết Trường Yên) đến ngã tư lối rẽ vào Trại gà Thuận Định	12 284	9 458	7 482	6 924	4 154	3 159	2 546	2 356	2 791	2 123	1 769	1 637
28	Đường liên xã từ Quốc lộ 6 qua xã Phú Nghĩa đi đường Nguyễn Văn Trỗi: Đoạn từ ngã tư lối rẽ vào Trại gà Thuận Định đến đường Nguyễn Văn Trỗi	11 613	8 942	7 073	6 545	4 398	3 345	2 696	2 494	2 957	2 247	1 874	1 733
29	Đường Ninh Kiều (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Ngọc Sơn và đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt tại Trung tâm Nuôi dưỡng Trẻ khuyết tật phường Chương Mỹ)	24 567	17 442	13 624	12 507	6 512	4 558	3 326	3 023	4 901	3 431	2 588	2 353
30	Đường nối Quốc lộ 6 thuộc xã Phú Nghĩa đi Quốc Oai												
-	Đường nối Quốc lộ 6 thuộc xã Phú Nghĩa đi Quốc Oai: Đoạn từ giáp Quốc lộ 6 đến Trường mầm non Đông Sơn	14 097	11 333	9 510	8 800	5 051	3 769	3 263	3 018	3 306	2 493	2 208	2 042
-	Đường nối Quốc lộ 6 thuộc xã Phú Nghĩa đi Quốc Oai: Đoạn từ hết thôn Quyết Thượng đến hết địa phận xã Phú Nghĩa	7 948	6 359	5 058	4 697	2 687	2 124	1 722	1 599	1 807	1 428	1 197	1 110
-	Đường nối Quốc lộ 6 thuộc xã Phú Nghĩa đi Quốc Oai: Đoạn từ Trường mầm non Đông Sơn đến hết thôn Quyết Thượng	10 116	7 890	6 253	5 794	3 422	2 634	2 130	1 971	2 300	1 770	1 479	1 369
31	Đường nối từ Tỉnh lộ 419 - 429 chạy qua xã Hòa Phú đi xã Phúc Sơn	6 142	4 975	3 964	3 685	2 110	1 728	1 410	1 332	1 560	1 232	1 033	959
32	Đường Ngọc Sơn (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ)												
-	Đường Ngọc Sơn (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ): Đoạn đường ngoài đê	24 567	17 443	13 624	12 507	6 512	4 558	3 326	3 023	4 902	3 431	2 588	2 353
-	Đường Ngọc Sơn (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Chúc Sơn đến ngã ba giao cắt đường liên xã tại thôn Chúc Đồng, phường Chương Mỹ): Đoạn đường trong đê	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 744	4 135	3 474	3 199
33	Đường Nguyễn Văn Trỗi: Đoạn từ giáp phường Chương Mỹ đến đường Hồ Chí Minh	9 393	7 421	5 892	5 465	3 372	2 597	2 035	1 909	2 266	1 745	1 414	1 327
34	Đường nhánh dân sinh nối từ đường Biên Giang vào các khu dân cư phường Chương Mỹ												
-	Đường nhánh dân sinh nối từ đường Biên Giang vào các khu dân cư phường Chương Mỹ: Từ đường Biên Giang đến Khu dân cư tổ dân phố 18, phường Chương Mỹ	30 109	21 076	16 900	15 491	8 460	5 922	5 309	4 867	6 002	4 141	3 527	3 134

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường nhánh dân sinh nối từ đường Biên Giang vào các khu dân cư phường Chương Mỹ: Từ đường Biên Giang đến Tổ dân phố Phú Mỹ, phường Chương Mỹ	30 109	21 076	16 900	15 491	8 460	5 922	5 309	4 867	6 002	4 141	3 527	3 134
35	Đường Phượng Bãi (Từ ngã ba giao cắt đường Biên Giang (đối diện ngõ 139 đường Biên Giang) đến trường Đại Học Sư Phạm Thủ Đức Thủ Thao)	35 127	24 237	19 388	17 745	9 870	6 810	5 459	4 997	6 875	4 743	3 520	3 134
36	Đường Tân Bình - hết Sân vận động trung tâm, xã Xuân Mai	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
37	Đường từ đê hữu Đáy đến cầu Văn Phương qua xã Hòa Phú	7 948	6 359	5 058	4 697	2 687	2 124	1 722	1 599	1 807	1 428	1 197	1 110
38	Đường từ đường Hồ Chí Minh qua thôn Xuân Linh đến giáp địa phận tỉnh Phú Thọ	12 284	9 458	7 481	6 924	4 154	3 159	2 547	2 357	2 791	2 123	1 769	1 637
39	Đường từ Nguyễn Văn Trỗi qua thôn Công An, xã Trần Phú đến đường Hồ Chí Minh	9 393	7 421	5 892	5 465	3 372	2 597	2 035	1 909	2 266	1 745	1 414	1 327
40	Đường từ Quốc lộ 6 đi qua trường tiểu học Thủy Xuân Tiên, thôn Chi Thủy đến đường Hồ Chí Minh	13 006	10 016	7 921	7 331	4 400	3 343	2 698	2 495	2 957	2 247	1 874	1 733
41	Đường Trục huyện từ giao cắt đường Quốc lộ 6 đi vào trường Thể dục thể thao qua chợ Phượng đến đường Du lịch Chùa Trầm	26 709	18 696	14 569	13 355	9 054	6 656	5 297	4 877	5 744	4 135	3 474	3 199
42	Đường vào Lũ đoàn 201	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
43	Đường vào trường PTTH Xuân Mai	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
44	Đường Xuân Mai - Phú Nghĩa: Đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đi qua cầu Cốc đi Quốc lộ 6	14 097	11 333	9 510	8 800	5 051	3 769	3 263	3 018	3 306	2 493	2 208	2 042
45	Đường Yên Sơn (Cho đoạn từ ngã ba giao cắt đường Hòa Sơn tại điểm đối diện Hiệu sách nhân dân phường Chương Mỹ đến đường vào Công ty bao bì thực phẩm, phường Chương Mỹ)	18 548	13 726	10 792	9 949	6 501	4 844	3 566	2 967	4 255	3 170	2 413	2 008
46	Tuyến Cầu Hạ Dục, xã Hòa Phú đi A31 xã Trần Phú												
-	Tuyến Cầu Hạ Dục, xã Hòa Phú đi A31 xã Trần Phú: Đoạn từ cầu Hạ Dục đến Chợ Sẻ, xã Hòa Phú	6 142	4 975	3 964	3 685	2 110	1 728	1 410	1 332	1 560	1 232	1 033	959
-	Tuyến Cầu Hạ Dục, xã Hòa Phú đi A31 xã Trần Phú: Đoạn từ Chợ Sẻ, xã Hòa Phú đến Trụ sở UBND xã Trần Phú	5 781	4 682	3 731	3 468	1 967	1 617	1 305	1 240	1 322	1 086	907	862
-	Tuyến Cầu Hạ Dục, xã Hòa Phú đi A31 xã Trần Phú: Đoạn từ Trụ sở UBND xã Trần Phú đến A31	5 058	4 097	3 265	3 035	1 710	1 368	1 111	1 032	1 150	920	773	718
47	Đường Xuân Mai (xã Xuân Mai): Cho đoạn từ Km32+885 Quốc lộ 6 tại cầu Tân Trượng, đến Km38+300 Quốc lộ 6 tại ranh giới giao địa phận tỉnh Hòa Bình (cũ).	16 693	12 520	9 864	8 043	6 217	4 642	3 386	2 759	4 069	3 037	2 292	1 868

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
48	Đường Dương Viết Điển (xã Xuân Mai): Cho đoạn từ ngã ba giao đường Quốc lộ 6 tại Km33+600 (đường Xuân Mai), đến ngã ba giao đường Quốc lộ 6 (đường Xuân Mai) tại Km34+200.	14 097	11 333	9 510	8 800	5 051	3 809	3 263	3 018	3 306	2 493	2 208	2 042
IV	KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN												
1	Xã Phú Nghĩa	3 055				768				520			
2	Xã Xuân Mai	3 020				908				614			
3	Xã Trần Phú	2 620				768				520			
4	Xã Hòa Phú	2 619				629				425			
5	Xã Quảng Bị	2 908				1 019				690			